

Bản án số: 120 /2019/DS - PT

Ngày: 25/6/2019

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Mới

Ông Đặng Văn Lộc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:***
Bà Trần Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2019/TLPT- DS, ngày 14 tháng 5 năm 2019. Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2019/DSST, ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2019/QĐPT- DS, ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1954

Cư trú: Số nhà 77/1, đường P, khóm 4, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Bị đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Bé T**, sinh năm 1967.

Cư trú: Số nhà 58/4K, đường M, khóm 3, phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Người làm chứng:*** Bà Bùi Thị Thu T, sinh năm 1969.

Cư trú: Số nhà 77/23B, đường P, khóm 4, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Bé T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2018 và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà có cho bà Nguyễn Thị Bé T vay tiền các lần như sau: Lần đầu vay số tiền 33.750.000đ, có làm biên nhận nợ không ghi ngày tháng vay, thời hạn vay đến ngày 16/12/2016 (âm lịch), lần kế tiếp ngày 24/6/2016 (nhằm ngày 20/5/2016 âm lịch), vay số tiền 13.500.000đ, có làm biên nhận nợ, thời hạn trả nợ đến 20/12/2016 âm lịch, tổng cộng số tiền là 47.250.000đ, lãi suất 5%/tháng, Do không biết chữ nên bà Tám nhờ bà Bùi Thị Thu T là người ở gần nhà viết hộ, bà Bé T là người ký tên “T” vào trong hai biên nhận. Từ khi vay cho đến nay bà Bé T không thực hiện nghĩa vụ trả lãi, vốn. Bà L khởi kiện yêu cầu bà Bé T trả số tiền vay là 47.250.000đ, tiền lãi 5%/tháng, tính đến ngày khởi kiện tổng cộng 23 tháng lãi là 53.280.000đ; tổng cộng vốn gốc và lãi 100.530.000đ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Bà Bé T xác định vay tiền của bà L hai lần, lần đầu 33.750.000đ lần kế tiếp 13.500.000đ đúng, cả hai lần có làm biên nhận nợ, có ký tên chữ ký “T” trong hai biên nhận nợ, bà Bé Tám nhờ bà Bùi Thị Thu T là người ở gần nhà viết hộ. Tuy nhiên, số tiền vay 13.500.000đ thực tế vốn gốc vay 9.000.000đ, nhập lãi 4.500.000đ vào vốn; số tiền nợ vay 33.750.000đ thì vốn gốc vay 25.000.000đ, nhập lãi 8.750.000đ vào vốn, nên bà T thống nhất trả cho bà L số tiền vay gốc của hai biên nhận tổng cộng 34.000.000đ, hình thức trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 500.000đ cho đến khi hết nợ và xin miễn lãi.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2019, bà Bùi Thị Thu T trình bày:

Bà Thủy thừa nhận đã viết hộ bà Bé T hai biên nhận nợ với số tiền vay 13.500.000đ và 33.750.000đ, đúng hai biên nhận nợ mà bà L khởi kiện bà Bé T trong vụ án này. Tuy nhiên, theo bà T được biết, hai biên nhận nợ này có nhập lãi vào vốn gốc như lời trình bày của bà Bé T. Bà T viết hộ bà Bé T nội dung hai biên nhận nợ theo sự hướng dẫn của bà L. Bà T đề nghị giữ nguyên lời trình bày này suốt quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

- *Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2019/DSST ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé T trả tiền lãi với lãi suất 5%/tháng.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé T trả bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc tổng cộng 47.250.000đ (bốn mươi bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), nợ lãi quá hạn tổng cộng 13.909.300đ (mười ba triệu chín trăm lẻ chín ngàn ba trăm đồng). Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 61.159.300đ (sáu mươi một triệu một trăm năm mươi chín ngàn ba trăm đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 02/4/2019 bà Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm. Buộc bà Nguyễn Thị Bé T trả cho bà tiền lãi suất 5%/tháng từ ngày hẹn đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính là 53.280.000đ tiền lãi.

Ngày 02/4/2019 bà Nguyễn Thị Bé T kháng cáo sửa lại bản án theo hướng chấp nhận bà trả cho bà L số tiền 47.250.000đồng tại hai biên nhận nợ, bà yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000đồng. Lý do hiện tại gia đình bà đang khó khăn. Bà cũng không đồng ý trả số tiền lãi suất quá hạn cho bà L là 13.909.300đ bởi lẽ trong hai biên nhận nợ bà L đã có tính lãi suất 5%/tháng cho bà. Bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho miễn toàn bộ án phí tại hai cấp vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh V phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay sự có mặt của các thành viên, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại phiên tòa phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: các đương sự chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà L, bà T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2019/DSST ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà L được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm do người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không có nộp thêm chứng cứ nào khác.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến Kiểm sát viên Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án ngày 20/3/2019 đến ngày 02/4/2019 bà Nguyễn Thị Bé T, bà Nguyễn Thị L kháng cáo là hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu bà Bé T phải trả tiền vốn là 47.250.000đồng tiền lãi 5%/tháng theo thỏa thuận là 53.530.000đồng là không phù hợp vì theo khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 quy định là “ *Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ*

bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”, do đó, cấp sơ thẩm căn cứ Quyết định số: 2868/QĐ- NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản là 0,75%/ tháng, nên mức lãi suất cho vay của các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản. Vì vậy, mức lãi là: 0,75%/ tháng x 150% =1,125%/tháng là phù hợp.

Đối với, bà Nguyễn Thị Bé T kháng cáo thống nhất yêu cầu trả số tiền gốc 47.250.000đồng xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng và không đồng ý trả lãi với số tiền 13.909.300đồng. Yêu cầu miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Bé T cho rằng có gộp phần lãi vào phần tiền vốn vay, cụ thể số tiền vay 13.500.000đ thực tế vốn gốc vay 9.000.000đ, nhập lãi 4.500.000đ vào vốn; số tiền nợ vay 33.750.000đ thì vốn gốc vay 25.000.000đ, nhập lãi 8.750.000đ nên yêu cầu Tòa xem xét vấn đề này.

Về phần vốn gốc 47.250.000đồng bà T xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng và không thống nhất trả lãi với số tiền 13.909.300đồng, bà L cũng không thống nhất, nên việc yêu cầu của bà T là không phù hợp quy định tại Điều 474 và khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Bà Bé T cho rằng có gộp phần lãi vào phần tiền vốn vay cụ thể số tiền vay 13.500.000đ thực tế vốn gốc vay 9.000.000đ, nhập lãi 4.500.000đ vào vốn; số tiền nợ vay 33.750.000đ thì vốn gốc vay 25.000.000đ, nhập lãi 8.750.000đ. Nhưng trong quá trình thu thập chứng cứ tại cấp sơ, phúc thẩm thì bà T cũng không cung cấp chứng cứ và chứng minh được vấn đề nêu trên và bà cũng thống nhất trả 47.250.000đồng, nên không có căn cứ chấp nhận việc nại ra của bà Tám.

Xét yêu cầu miễn toàn bộ án án phí sơ thẩm và phúc thẩm của bà Bé T. Căn cứ quy định của Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, thì bà Bé T không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm, phúc thẩm nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Bé T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2019/DSST, ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do bà Nguyễn Thị L thuộc trường hợp người cao tuổi nên miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471, 474, và khoản 1 Điều 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Bé T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2019/DSST ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L

Buộc bà Nguyễn Thị Bé T trả bà Nguyễn Thị L số tiền vốn gốc là 47.250.000đ (bốn mươi bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), lãi là 13.909.300đ (mười ba triệu chín trăm lẻ chín ngàn ba trăm đồng). Tổng cộng vốn gốc và lãi là 61.159.300đ (sáu mươi một triệu một trăm năm mươi chín ngàn ba trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí :

Án phí sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Bé T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.058.000đ (ba triệu không trăm năm mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm đối với bà Nguyễn Thị L.

Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004453 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Bà Nguyễn Thị Bé T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC. Tại TP.HCM;
- VKSND TVL;
- TAND. TP.VL;
- VKSDND. TP.VL
- Chi cục THADS. TP.VL;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Ngừng

